



NGUYỄN THỊ TÁNH  
05.04.1944  
TẠI LONG AN  
(GÁI)



MAI-TRÚC-PHƯỚC  
09.06.1965  
TẠI MỸ THO  
(TRAI)



MAI-TRÚC-PHI  
24-11-1966  
TẠI GÒ CÔNG  
(TRAI)



MAI-TRÚC-PHONG  
25.06.1972  
TẠI BIÊN HOÀ  
(TRAI)



MAI-TRÚC-PHÚC  
05.10.1973  
SINH TẠI SÀI GÒN  
(TRAI)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

IV#: \_\_\_\_\_

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THI TANH  
Last Middle First

Current Address: 112 A PHAN VAN TRI, Q 5, HCM

Date of Birth: 04/05/1944 Place of Birth: Long An

Previous Occupation (before 1975) US Employee  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From N/A To \_\_\_\_\_  
Years: \_\_\_\_\_ Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| <u>TRAN THI KIM DUNG</u>                    | <u>Friend</u>       |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Thầy tôi lui giúp đỡ em, thầy là  
người cũng không dư giả nhưng vì gia  
thường em thấy thầy nên hết vốn, giờ  
đây cố gắng làm mới chia sẻ với em  
mười cái con gà ngà - Kính chị! Em  
nợ thầy đó lần đầu, bằng sự đến  
đây, em làm và thấy thầy từ trước  
và thấy thầy có và

Thưa chị đó là lời tâm sự tâm thường  
của thầy em muốn giải thích tốt nhất  
trong tôi đó, bằng cách em ra đi khỏi  
và mỗi tao được biết em cuộc sống khác,  
thưa chị, ở đời họ hay tìm dịp kết đôi  
bếp người chúng ta sâu, em có học  
hoàn toàn thêm kính mến người chị  
thông cảm thầy em, em không làm nữa  
dùng thơ thường là gửi về anh chị em  
biết đủ sâu và thật rồi chị bạn bạn  
đầu, với cái tốt của chị với ai chị cũng  
giúp đỡ, chẳng hạn như em, chị chưa  
biết mặt em mà chị đã tôn công tôi  
của để lo cho em

DIMENHE

23

giuliet 1982

Kính chị Dung Mến

Em xin lỗi chị, trước khi em  
xin phép được gọi chị như thế,

chưa chị em được anh thanh cho  
em biết tuy chị lớn tuổi hơn em  
như chị chưa lập gia đình, hơn nữa  
chị và anh thanh là bạn, em lại là  
người em biết trước với anh thanh  
chị đối với em gần gũi sự, quá tốt  
và quá thông cảm người mang tâm  
hàng anh chị, em nhận được  
thầy chị, em hết sức xúc động có  
hai lý do: thứ nhất, chị đã giúp đỡ em  
thứ hai, là đồng thời tiên sinh của chị  
gửi tâm em cảm thấy em không bị  
đời bỏ quên. Thưa chị, cảm ơn em  
anh thanh biết ơn em hơn ai hết.  
Một chuyện tình đó và ở lứa tuổi đến  
sao vai nặng em lập gia đình, em  
biết em phải đi xa khỏi phải cho người  
yêu mình, nhưng hạnh phúc đến với

Em quá nghèo, chồng em chết vì tai nạn lửa thuốc trên chuyến thuyền của chúng các tổng giám đốc Hà Nội.

Hình chi cuộc đời em khổ vô kể từ đó, bị đói khát, rách rưới, thất bại đủ mọi trường em quá buồn khổ, nhích chân bước về mang đũa tôi, em vào nhà thường hàng lúc các em quá khổ. Chưa vãn chí, mẹ lại đau về mang, tâm thúng em không còn biết em là ai, sự thúng thúng thân em chỉ giảm bớt kinh chi không hết hẳn. Để tìm sự sống mới các em phải ra khỏi nhà thường. Đi đi! Từ từ về thăm số phận em trước ta đi.

TRỜI SANG QUEN THỜI MÀ HỒNG ĐÁNH GHEN.  
HOẶC CHỖ TÀI CHỖ MỆNH KHÉO LÀ GHÉT NHAY

Đưa chi cuộc đời đầy dẫy sự phải phung phí mà em không còn trả vì và tiền tài trong tay. Em đi từ đầu đến cuối từ một thế là em chi hết hết, từ nhỏ tới lớn em từng giúp người không đủ lợi, làm

may sao trời lại chờ em thôi. em giờ luôn đông là không bao giờ ở nhà em, bao giờ không của anh thanh thì rồi anh thanh mới ngó? xin chi giúp đỡ em, anh ấy nói với em là chi quá tốt anh ấy ngại làm những việc xấu. Hơn cả em nên mới có thể này ngày hôm nay

Hình chi! Chồng em đã chết cách đây bốn năm, bây giờ em tuổi sáu mươi và em con, thân yếu đau (em mang căn bệnh THẬN KINH TÂM) ngày ngày em không buông chửi để em nói đôi con, khổ nữa chồng chết nhưn đau con khổ rách, em bận rộn đem các con đi chuôi, em lại vướng tu, trước đó em có gầy lại thấy phải giảm kiện nhà thường mà ngày trước em đi dạy, khi em bị tu thấy tôi lúc tìm cách giúp em ra ngày về với hai bạn tay cùng ta ngó con ngó bạn, em tốt bụng lắm,

Ký sau chị có gởi thư về em  
xin chị cho em biết trong hồ sơ  
có tên TRẦN HỮU NGHĨA không?

Cảm ơn chị nhiều. Vì em  
đang thất nghiệp....

Hệ Thị Dĩnh Dung đồng thời chị em  
sống như trên miền vô cùng, em  
cảm tưởng như em đã có ghen ghét  
với chị lâu rồi, hơn nửa đời  
em gầy toàn sự giả dối và đầy  
sự dối dưng nên em có mặc cảm  
ít ai tốt với mình, nên khi  
gặp thư chị, em cảm thấy như  
xoa dịu được lòng em, lúc em  
hoàn cảnh thật vất vả.

Hình chị! em viết ra đây vì hoàn  
cảnh của em vì em không nhớ lúc  
em gởi hồ sơ qua chị em có đi tên  
người ăn của em là TRẦN HỮU NGHĨA  
hay không? Ý em muốn gởi là name  
của con em thôi. Không biết đúng  
lúc làm hồ sơ, có ông Nghĩa thấy  
em phải đi tên vô, cho ông ấy biết  
em không vô trách, nhưng khi gởi  
không, biết em gởi thất lạc, em  
cảm rất nhiều hồ sơ như thế.

Em hay ghen tị khi nghe chị  
có gửi tiền thư, em gửi mình  
vì chị bị ốm, tiền thư em đã  
chính, Người em sau này mà em  
đã kể chị nghe ở đồng thư  
này. Em muốn thoát ly khỏi tập  
lối, em vẫn chỉ thương em, em hy  
vọng chị thăm kiến em. Đến em suốt  
nhiều nước nhà Phố Thừa, hôm nay  
vì sự sống các con, em đang mang  
trọng tâm. Chị ơi em khổ lắm.

Chị thư em xin chị tha lỗi vì em  
không thể nào không tâm sự để chị  
hiểu hoàn cảnh một em như chị gửi  
đó. Em rất ngại sự xã giao ở ngoài  
đời, làm chị giận, nhưng chị ơi  
em không biết tại sao. Khi em đặt  
bút viết thư cảm ơn chị là em lại

thao thao nghĩ biết việc kể về  
đến em cho chị như em đã gửi  
lại. Người chị mới đã mấy nước  
mà xa cách.

Em vẫn chỉ thư đến, em chỉ có  
rảnh hoặc phải liên hệ gần gũi em  
em chỉ xem em là em của chị  
cũng như anh Thanh Dãy  
em cảm ơn chị nhiều. Chúc chị và  
gia đình nhiều sức khỏe, nhiều  
khương an thịnh vượng.

em

NGUYỄN THỊ ÁNH

Tb. Sau đây em gửi chị tình mẫu mẹ  
con em. Thế căn cước của em vì  
các con em chưa có, mà khai sinh  
bỏ tước thêm các giấy đi làm...

AM - PHẦN

NH GÒ CÔNG

QUẬN HÒA-LẠC

LONG - THUẬN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

## HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

Bản số 2714

TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1966

|                                                              |                                              |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít. . . . .<br>(Nom et prénoms de l'enfant) | Mai-trúc-Mai                                 |
| Nam hay nữ . . . . .<br>(Son sexe)                           | Nam                                          |
| Sanh ngày nào . . . . .<br>(Date de sa naissance)            | Ngày hai mươi bốn tháng mười<br>một năm 1966 |
| Sanh tại chỗ nào. . . . .<br>(Lieu de sa naissance)          | Long-Thuận Gò Công                           |
| Tên họ người cha. . . . .<br>(Nom et prénoms de son père)    | Mai-thanh-Trước                              |
| Làm nghề-nghiệp gì . . . . .<br>(Sa profession)              | Quản-nhân                                    |
| Nhà cửa ở đâu. . . . .<br>(Son domicile)                     | Long-Thuận                                   |
| Tên, họ người mẹ. . . . .<br>(Nom et prénom de sa mère)      | Nguyễn-thị-Tĩnh                              |
| Làm nghề-nghiệp gì . . . . .<br>(Sa profession)              | Nội-trợ                                      |
| Nhà cửa ở đâu. . . . .<br>(Son domicile)                     | Long-Thuận                                   |
| Vợ chánh hay thứ. . . . .<br>(Son rang lemme mariée)         | Vợ-chính                                     |

Nhận thực chữ ký bên đây

là của Đuê Tịch UBHC. Xã Long - Thuận

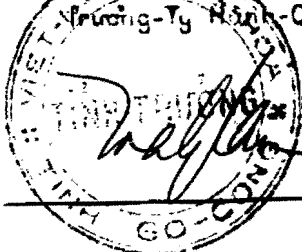
Gò Công, ngày 29 tháng 11 năm 1966

TL. TỈNH-TRƯỞNG,

Chủ-Sự Phòng Hành-Chánh Tổng-Quát,

TƯD-Cảnh-Trưởng,

Vương-Ty Hành-Chánh



MAI-LANG-TÂN

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH :

Long-Thuận, ngày 28 tháng 11 năm 1966

CHỖ KIỂM HỘ-TỊCH



Trần Văn - Tuấn

Xã, Thị trấn **Chợ** quán

Thị xã, Quận \_\_\_\_\_

Thành phố, Tỉnh \_\_\_\_\_

**BẢN SAO  
GIẤY KHAI SINH**

Sö 5/5

Quyền số 05

[illegible]

|                                                                                               |                                                                      |                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| Họ và tên                                                                                     | MAT TRÚC PHÚC<br>( MAT TRÚC PHÚC )                                   |                            |
| Sinh ngày<br>tháng, năm                                                                       | Nam tháng mười năm một nghìn chín trăm<br>bảy mươi ba ( 05.10.1973 ) |                            |
| Nơi sinh                                                                                      | 23 đường Phan Văn Trị                                                |                            |
| Khai về cha, mẹ                                                                               | CHA                                                                  | ME                         |
| Họ, tên, tuổi (hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh)                                                 | MAT THANH TRÚC<br>31 tuổi                                            | NGUYỄN THỊ TẠNH<br>29 tuổi |
| Dân tộc                                                                                       |                                                                      |                            |
| Quốc tịch                                                                                     |                                                                      |                            |
| Nghề nghiệp                                                                                   | quân nhân                                                            | nội trợ                    |
| Nơi ĐKNK thường trú                                                                           | 112 Phan Văn Trị                                                     |                            |
| Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | Dương Thị Tuyết<br>23 Phan Văn Trị                                   | 55 tuổi                    |

PP. 685/77 - 4,500,000

**NHÂN THỰC SỰ X BÀN CHÍNH**

Ngày 9 tháng 4 năm 1960

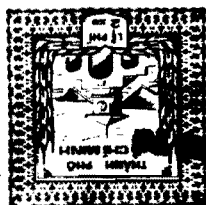
TM/UBND

Ký tên đồng dấu

Đăng ký ngày 08 tháng 10 năm 73

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

**Vấn chức hộ tịch  
địa ký**



TRẦN THĂNG SƯ

NĂM PHẦN

TỈNH ĐỊNH TƯỜNG

XÃ ĐIỀU-HÒA

Bản số 3025

Họ số quan nhân

VIỆT - NAM CỘNG-HÒA

# HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

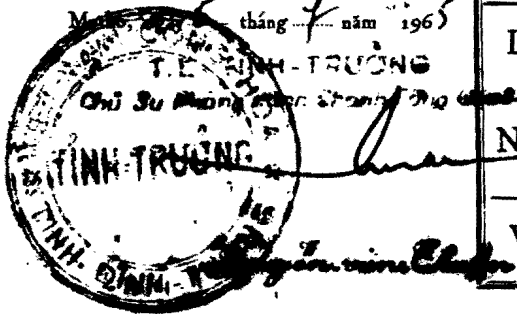
NĂM 1965 XÃ ĐIỀU-HÒA (ĐỊNH-TƯỜNG)

|                           |                                                           |
|---------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít ..... | Mai-trúc-Phương                                           |
| Nam hay Nữ .....          | Nam                                                       |
| Sanh ngày nào .....       | Ngày chín tháng sáu, năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm. |
| Sanh tại chỗ nào .....    | Xã Điều-Hòa<br>Bão-sanh-viện Định-Tường                   |
| Tên, họ người cha .....   | Mai-thanh-Trước                                           |
| Làm nghề-nghiệp gì .....  | Quân-nhân                                                 |
| Nhà cửa ở đâu .....       | Điều-Hòa Mytho                                            |
| Tên, họ người mẹ .....    | Nguyễn-thị-Tánh                                           |
| Làm nghề-nghiệp gì .....  | Nội-trợ                                                   |
| Nhà cửa ở đâu .....       | Điều-Hòa                                                  |
| Vợ chánh hay thứ .....    | Vợ chánh                                                  |

## NHẬN THỰC CHỮ KÝ

của quý Ông Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Điều-Hòa dưới đây:

Một, ngày tháng năm 1965

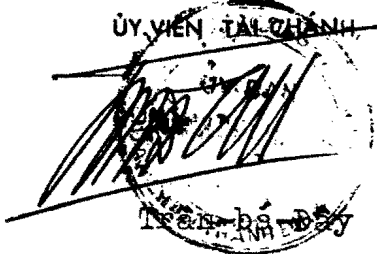


VI CHỨNG:

Điều-Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 1965

T.M. ỦY-BAN-HÀNH CHÁNH XÃ

ỦY-VIÊN TÀI CHÁNH



TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH

Điều-Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 1965

CHỦ TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



Trần-văn-Thạnh

# KHAI SANH

Số hiệu : 8

Trích y bản chánh bộ  
khai-sanh năm 1944./.  
Bình-Thành, ngày 13/7/62

Hộ-tịch

Chứng nhận

Chứng thật chủ ký tên  
trên đây của viên chức hộ  
tịch ./.

Bình-Thành, ngày 13/7/62



Chứng cho hợp pháp

những chữ ký tên của Hội đồng  
Hương Chính ở Bình Thành

Trên đây  
thủ trưởng phân ban năm 1962  
QUẬN-TRƯỞNG,

Tên, họ ấu-nhi : NGUYỄN - THỊ - TÂN  
Phái : GÁI  
Sanh : LE 5 AVRIL 1944  
(Ngày, tháng, năm)  
Tại : Bình - Thành  
Cha : Nguyễn - văn - Lành  
(Tên, họ)  
Tuổi : ----  
Nghề-nghiệp : Làm vườn  
Cư-trú tại : Bình - Thành  
Mẹ : Nguyễn - thị - Lành  
(Tên, họ)  
Tuổi : ----  
Nghề - nghiệp : Làm vườn  
Cư-trú tại : Bình - Thành  
Vợ : Vợ chánh  
Người khai : Nguyễn - văn - Thương  
(Tên, họ)  
Tuổi : 66 ans  
Nghề-nghiệp : Làm vườn  
Cư-trú tại : Bình - Thành  
Ngày khai : ----  
Người chứng thứ nhất : Phan - văn - Hào  
(Tên, họ)  
Tuổi : 30 ans  
Nghề-nghiệp : Làm vườn  
Cư-trú tại : Bình - Thành  
Người chứng thứ nhì : Nguyễn - văn - Sự  
(Tên, họ)  
Tuổi : 25 ans  
Nghề-nghiệp : Làm vườn  
Cư-trú tại : Bình - Thành

Làm tại Bình - Thành , ngày 6 tháng April năm 1944

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng,

Nguyễn-văn-Thương  
(có ký tên)

(có ký tên) Phan-văn-Hào (có ký tên)  
Nguyễn-văn-Sự (có ký tên)

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ  
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ- PHÁP  
Département de la Justice

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHÂN  
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ MIỀN TÂY

(GREFFE DU TRIBUNAL DE \_\_\_\_\_)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

LANG HUNG HUA HUNG (H T T H O)

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHÂN)  
(Sud-Vietnam)

NĂM 1936-  
(Année)

SỐ HIỆU -477-  
(Acte N°)

|                                                              |                                   |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít . . . . .<br>(Nom et prénom de l'enfant) | <u>Nguyen hung Phung</u>          |
| Nam, nữ . . . . .<br>(Sexe de l'enfant)                      | <u>Tram</u>                       |
| Sanh ngày nào . . . . .<br>(Date de naissance)               | <u>Ngày Mười Hai Octobre 1936</u> |
| Sanh tại chỗ nào. . . . .<br>(Lieu de naissance)             | <u>Làng Hùng Huê Hấp</u>          |
| Tên, họ cha . . . . .<br>(Nom et prénom du père)             | <u>Nguyen hung Liêng</u>          |
| Cha làm nghề gì. . . . .<br>(Sa profession)                  | <u>Điền ban</u>                   |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | <u>Làng Hùng Huê Hấp</u>          |
| Tên, họ mẹ. . . . .<br>(Nom et prénom de la mère)            | <u>Ngô Thị Ban</u>                |
| Mẹ làm nghề gì. . . . .<br>(Sa profession)                   | <u>Điền ban</u>                   |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .<br>(Son domicile)                    | <u>Làng Hùng Huê Hấp</u>          |
| Vợ chánh hay thứ . . . . .<br>(Son rang de femme mariée)     | <u>Vợ chánh</u>                   |

Chúng tôi, \_\_\_\_\_  
(Nous)

Chánh-án Toà \_\_\_\_\_  
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của  
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông \_\_\_\_\_  
(M. \_\_\_\_\_)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.  
(Greffier en Chef dudit Tribunal).

\_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ 196

CHÁNH-ÁN,  
(LE PRÉSIDENT).

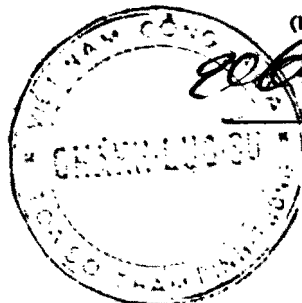
Trích y bản chánh,  
(Pour extrait conforme),

HTHD

12/10/

196

CHÁNH LỤC-SỰ  
(LE GREFFIER EN CHEF)



2400

1297/Đ1/10

Giá tiền : \_\_\_\_\_

(Cost)

Biên-lai số : \_\_\_\_\_

(Quittance N°)

NAM, PHẦN

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận 3

Số hiệu: 7312

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1959)

|                          |                                                                 |
|--------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . .  | Nguyễn Đức Gia                                                  |
| Phái. . . . .            | Nam                                                             |
| Ngày sanh . . . . .      | Mười bảy tháng tám năm một ngàn chín trăm năm mươi chín 12/8/59 |
| Nơi sanh. . . . .        | Saigon 15 Bis Cao Thắng                                         |
| Tên, họ người cha. . . . | Nguyễn Văn Phước                                                |
| Tuổi. . . . .            | Hai mươi ba                                                     |
| Nghề-nghiệp. . . . .     | Đầu bán                                                         |
| Nơi cư-ngụ . . . . .     | Cholon 12 Dốc phủ Thới                                          |
| Tên, họ người mẹ. . . .  | Trần thị Thiệu                                                  |
| Tuổi. . . . .            | Hai mươi bốn                                                    |
| Nghề-nghiệp . . . . .    | Giáo viên                                                       |
| Nơi cư ngụ. . . . .      | Cholon 12 Dốc phủ Thới                                          |
| Vợ chánh hay thứ. . . .  | Vợ chánh                                                        |

Làm tại Saigon, ngày 19 tháng 8 năm 1967

1967

TRÍCH LỤC Y BỐN CHÁNH: M/10.

Saigon, ngày 23 tháng 5 năm 1967

TÁ QUÂN TRƯỞNG QUẬN BA



NGUYỄN-ĐỨC-HÒA

NAM-PHÂN

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chính Quận

Số hiệu: 9973

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ - TỊCH

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi (1960)

|                         |                                                             |
|-------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . .   | Nam-Pân-Thân                                                |
| Phái. . . . .           | Đàn                                                         |
| Ngày sanh . . . . .     | Ngày 12 tháng một một năm một ngàn chín trăm sáu mươi, 1960 |
| Nơi sanh . . . . .      | Saigon, 1960 Cao-Thắng                                      |
| Tên, họ người Cha . . . | Nam-Pân-Thân                                                |
| Tuổi. . . . .           | Đàn một tuổi                                                |
| Nghề-nghiệp. . . . .    | Đàn                                                         |
| Nơi cư-ngụ . . . . .    | Cholon, 12 Số Phố Thới                                      |
| Tên, họ người Mẹ. . .   | Trần Thị Thới                                               |
| Tuổi. . . . .           | Đàn một tuổi                                                |
| Nghề-nghiệp. . . . .    | Đàn                                                         |
| Nơi cư-ngụ . . . . .    | Cholon, 12 Số Phố Thới                                      |
| Vợ chánh hay thứ. . .   | Vợ chánh                                                    |



Làm tại Saigon, ngày 12 tháng 12 năm 1960

12/12

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH :

Cholon, ngày 20 tháng 7 năm 1960

T.L. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN 12, 12

*[Handwritten signature]*



NAM - PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận 3

Số hiệu: 7353

HỘ - TỊCH

## TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai (1962)

|                          |                                                                      |
|--------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . .  | Huỳnh Kim Phụng                                                      |
| Phối. . . . .            | Nữ                                                                   |
| Ngày sanh . . . . .      | Hai mươi tám tháng chín năm một ngàn chín trăm sáu mươi hai 4 giờ 40 |
| Nơi sanh. . . . .        | Saigon 15 Bis Cao thắng                                              |
| Tên, họ người cha. . . . | Huỳnh Vạng Phước                                                     |
| Tuổi. . . . .            | Hai mươi sáu                                                         |
| Nghề-nghiệp. . . . .     | Thợ kỹ                                                               |
| Nơi cư-ngụ . . . . .     | Cholon 12 Đốc phủ Thoại                                              |
| Tên, họ người mẹ. . . .  | Trần thị Thiệu                                                       |
| Tuổi. . . . .            | Hai mươi bảy                                                         |
| Nghề-nghiệp . . . . .    | Giáo viên                                                            |
| Nơi cư ngụ. . . . .      | Cholon 12 Đốc phủ Thoại                                              |
| Vợ chánh hay thứ. . . .  | Vợ chánh                                                             |

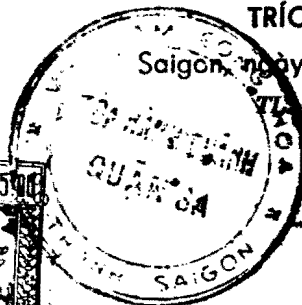
Làm tại Saigon, ngày 13 tháng 10 năm 1962

1967

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH H/10.

Saigon, ngày 13 tháng 5 năm 1967

TỔ QUẢN TRƯỞNG QUẬN BA



NGUYỄN PHƯỚC HÒA

ĐÔ . THÀNH SAIGON

TÒA MẠNH-CHÁNH QUẬN NĂM

Số hiệu: **6729A**

★

VIỆT . NAM CỘNG . HÒA

H Ộ . T Í C H

THỨ/6

# TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

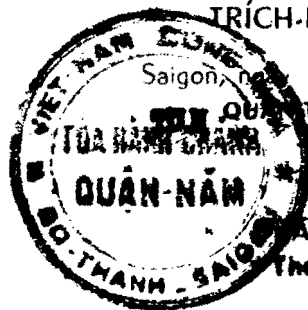
**MIỄN PHÍ CÔNG VỤ**

Năm một ngàn chín trăm **sáu mươi sáu**

|                             |                                                                        |
|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . . .   | <b>HUYEN KIM LOAN</b>                                                  |
| Phái . . . . .              | <b>NỮ</b>                                                              |
| Ngày sanh . . . . .         | <b>mười một tháng bảy năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu hồi 3005</b> |
| Nơi sanh . . . . .          | <b>128 đại lộ Hồng Vương</b>                                           |
| Tên, họ người Cha . . . . . | <b>HUYEN VANG PHUOC</b>                                                |
| Tuổi . . . . .              | <b>Ba mươi</b>                                                         |
| Nghề-nghiệp . . . . .       | <b>Thương gia</b>                                                      |
| Nơi cư-ngụ . . . . .        | <b>12 đường Đốc Phủ Thoại</b>                                          |
| Tên, họ người Mẹ . . . . .  | <b>TRAN THI THIEN</b>                                                  |
| Tuổi . . . . .              | <b>Ba mươi một</b>                                                     |
| Nghề-nghiệp . . . . .       | <b>Giáo viên</b>                                                       |
| Nơi cư-ngụ . . . . .        | <b>12 đường Đốc Phủ Thoại</b>                                          |
| Vợ chánh hay thứ . . . . .  | <b>Vợ chánh</b>                                                        |

Lập tại Saigon, ngày- **16** tháng **7** năm **XX 1966**

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:



Saigon, ngày- **12** tháng **2** năm 197 **3**

**TRƯỞNG QUẬN NĂM,**

**AN-THI-HỒNG-HOÀ**  
Tham-Sự Hành-Chánh

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận NĂM

Số hiệu: 3086

HỘ - TỊCH

X/5

## TRÍCH - LỤC BỘ KHAI TỬ

Năm một ngàn chín trăm — sáu mươi chín

Lê phí 10\$00

|                                                        |                                                                      |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| Tên, họ người chết . . . . .                           | TRAN THI THIEN                                                       |
| Nghề-nghiệp . . . . .                                  | giáo viên                                                            |
| Nơi cư-ngụ . . . . .                                   | 12 Đốc phu Thoai                                                     |
| Ngày sanh . . . . .                                    | mười hai tháng ba năm một ngàn<br>chín trăm sáu mươi lăm (12-3-1955) |
| Nơi sanh . . . . .                                     | Cholon                                                               |
| Chưa vợ, có vợ hay là góa<br>bạn (kể tên họ người bạn) | HUYNH VANG PHUOC                                                     |
| Người bạn làm nghề gì .                                | Thương gia                                                           |
| Nơi cư-ngụ . . . . .                                   | 12 Đốc phu Thoai                                                     |
| Tên, họ Cha . . . . .                                  | TRAN THE TRUYEN                                                      |
| Tên, họ Mẹ . . . . .                                   | NGUYEN THI LIEU                                                      |
| Ngày chết . . . . .                                    | mười hai tháng bảy năm một ngàn<br>chín trăm sáu mươi chín, hồi 6g   |
| Nơi chết . . . . .                                     | 12 Đốc phu Thoai                                                     |

Lập tại Saigon, ngày 12 tháng 7 năm 1969

1969

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÍNH:

Saigon ngày 16 tháng 7 năm 1969

TÊN QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NĂM

NGUYEN XUAN BA

Sơn ngày 5-9-1983.

Cháu Bê

Vào với dì Ba Phước có gửi cho cháu 1 bức  
thiệp, cháu đã nhận trước rồi, một lần nữa được  
có lời cảm ơn cháu đã gửi quà giúp đỡ cho gia  
đình.

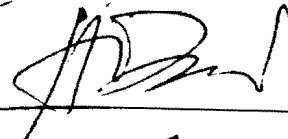
Ngày được gửi theo đây 3 cái đồ, 1 khăn  
vải của dì, 1 khăn từ các dì thêu và 1 khăn  
số của dì cháu, cháu xem đây có cần thêm bất  
gì trợ đỡ, nếu cần, tốt nhất là mua một gói  
bột gạo giúp đỡ để mong được cứu xét sớm  
gửi sang cháu vui lòng theo dõi và báo tin  
cho được biết nhé, mọi việc tốt vào cháu.

Ngày lúc này việc khó cũng bớt thuyên, đang  
đang đang chờ đợi để làm xong hàng này,  
vật giá cũng đang căng lên, rồi sẽ hơi thất vật  
tiền, thời gian này cũng có thể lại thêm vào  
chợ ở những viên (Bùn đất), và chợ cũng viên  
này từ từ và vui lòng, cho những viên gửi cho  
cháu có lẽ có thể về được rồi, cần đâu được  
đến chơi nhà bạn và bạn thì hỏi thăm, biết  
hết không vui lòng chờ đợi cho về chợ cũng  
viên này, con người ai ai cũng có số cả, được  
luôn luôn cần nhận tiền phạt phạt cho được  
gặp nhau may mắn để qua khỏi sự bị đất  
mà được đang vậy thôi.

Vài lần cho cháu, được rất mong cháu  
giúp cho được cái đời này, được có lấy cảm ơn  
cháu trước, gửi lời thăm hỏi con một, cháu  
cháu gặp nhau may mắn nói với người, như  
viết thư cho được nhé, trộm lòng.

Cháu cháu

Phan Lạc Thủ oan,



Phan Lạc Thủ oan

## American Council for Nationalities Service

## Washington Resettlement Office

8555 - 16<sup>th</sup> Street, Suite 609, Silver Spring, Md. 20910 Tel: (301) 585-9166

## ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Date: July 24, 1984Your Name: Mr/Mrs/Miss TRAN THI KIM DUNG Phone: (Home) \_\_\_\_\_  
(Last) (Middle) (First) (Work) \_\_\_\_\_

Your Address: \_\_\_\_\_

(Number) (Street) (City/County) (State) (Zip)

Date of Birth: 11-14-1941 Place of Birth: SAIGON, VIET NAMDate of Entry to U.S. 6-25-1975 From (Country or Camp) PENDLETON, CALIFORNIA, USAMy Alien Registration Number is 21-288-020 My Naturalization Certificate No. is 11014889Legal Status: Parolee \_\_\_\_\_ Permanent Resident Alien \_\_\_\_\_ U.S. Citizen XTHE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S.  
AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE OR CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S. OR ASIAN-AMERICANS:

| NAME OF PRINCIPAL EMIGRANT | DATE/PLACE OF BIRTH RELATION<br>(if any) | ADDRESS IN VIETNAM   |
|----------------------------|------------------------------------------|----------------------|
| NGUYEN THI TANH            | 4/5/1944, LONG AN                        | 112 A PHAN VAN TRI   |
|                            | VIET NAM                                 | 5TH PRECINCT, HO CHI |
|                            |                                          | MINH CITY            |

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: FIVE (5)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO P. A. |
|------------------------------------------|---------------|-----------------------|
| TRAN HUU NGHIA                           | 5/4/1938      | HUSBAND               |
| MAI TRUC PHUONG                          | 6/9/1965      | SON                   |
| MAI TRUC PHI                             | 11/24/1966    | SON                   |
| MAI TRUC PHONG                           | 6/25/1972     | SON                   |
| MAI TRUC THUC PHUC                       | 10/5/1973     | SON                   |

ADDITIONAL INFORMATION:

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE:

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Immigrant)

U.S. GOVERNMENT Agency LONG BINH P.X. OFFICE Last Title/Grade STOCK SELL  
Name/Position of Supervisor /

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation \_\_\_\_\_  
Last Title/Grade: / Name/Position of Supervisor: \_\_\_\_\_

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (prior to 1975):

Ministry or Military Unit \_\_\_\_\_ Last Title/Grade \_\_\_\_\_  
Name/Position of Supervisor \_\_\_\_\_  
Was time spent in re-education camp? Yes \_\_\_\_\_ No \_\_\_\_\_ How long? \_\_\_\_\_ Years \_\_\_\_\_ Month \_\_\_\_\_

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School \_\_\_\_\_ Location \_\_\_\_\_  
Type of Degree or Certificate \_\_\_\_\_  
Dates of Employment or Training \_\_\_\_\_ To \_\_\_\_\_  
Month/Year Month/Year

ASIAN-AMERICANS: Single \_\_\_\_\_ Married \_\_\_\_\_ Male \_\_\_\_\_ Female \_\_\_\_\_

Full name of the mother: \_\_\_\_\_ Her age: \_\_\_\_\_

Address: \_\_\_\_\_

Full name of the U.S. Citizen Father (if known): \_\_\_\_\_

His current address: \_\_\_\_\_

\*\*\*\*\*

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature: [Signature] Date: July 24, 1984

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS July 25, 1984 (Date)

Signature of Notary Public [Signature] County of: p. 6

MAI NGOC BICH  
NOTARY PUBLIC STATE OF MARYLAND

My commission expires: My Commission Expires July 1, 1986

CHI MINH city 20-4-1978

THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE

**Subject :** Request for immigration to the USA under the Orderly Departure (ODP) Program.

Dear Sir :

I undersigned : **NGUYEN THI TANH**  
 Date and place of birth : April 05/1944 - Long an Province  
 Nationality : Vietnamese Sex : Female  
 Family status : Married + 5 children  
 Home address : Nguyen thi TANH 112 Phan van Tri-5<sup>th</sup> - District-H Chi Minh  
 Education : High School  
 Before April 30, 1975 :  
 Rank : Representative of Chan IL Construction CO. LTD. and Lee's Leatherwear  
 Occupation : Cooperati  
 Unit : Stock Seller For Pacex(Px. Office) Long Binh PARCEL N-028253  
 After April 30, 1975 :  
 Camp from :  
 Released from camp :

Due to the difficulty of my situation and based on the authori  
 of your organization and the spirit of humanitarian act.

Wish to request your assistance and intervention with the  
 Government of the Socialist of Vietnam, in order that I and my family  
 may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection  
 and under the Orderly Departure Program (ODP) and to immigrate to the  
 United States of America purpose of seeking a new life.

Believing are my relative to be evacuated with me to the US.

| Full name           | Date and place<br>of birth           | Sex  | Relationship | Address                                                      |
|---------------------|--------------------------------------|------|--------------|--------------------------------------------------------------|
| Tran-huu Nghia      | May 4/1938<br>Sadec Province         | male | husband      | 112 Phan-<br>Tri-5 <sup>th</sup> -<br>District-H<br>Chi Minh |
| Mai truct Phuong    | June 9/1965<br>My Tho Province       | male | son          | -id-                                                         |
| Mai truct Phi       | November 21/1966<br>Go Cong Province | male | son          | -id-                                                         |
| Mai truct Phong     | June 25/1972<br>Bien Hoa Province    | male | son          | -id-                                                         |
| Mai truct Phuc Phuc | October 5/1973<br>Saigon City        | male | son          | -id-                                                         |

Your appreciate on the above to help me through your  
 humanitarian act will be highly appreciated.

Respectfully Yours,



NGUYEN-THI-TANH

(Please print or type in English only)

## SECTION 1: INFORMATION ABOUT YOU

## SECTION 2: INFORMATION ABOUT YOUR RELATIVES IN UNITED STATES AMERICA

Your name:

Nguyễn Thị Tánh

Name of your closest relative in the USA:

Other names you have used:

Other names used:

Sex: Male ☒ Female ☐ Date of birth: month/day/year

Country of birth: month/day/year

Country of birth:

Date of birth: 04/05/1944

Birth along with birth:

Birth:

Your address: 112 Phan Xua Tri

The USA address:

The USA address:

Number Street

Number Street

Number Street

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

Hanoi

a. List all relatives you want to go with you to the U.S.A.

| Name            | Sex<br>(circle one) | Date of Birth    | Country of Birth | Relationship to you | Married?<br>(circle one) | Mail Permit Number | Address                                                        |
|-----------------|---------------------|------------------|------------------|---------------------|--------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|
| Trần Văn Nghĩa  | M/F                 | May 4/1938       | Saigon           | Husband             | Yes/No                   | No.                | 112 Phan Xua Tri - 5 <sup>th</sup> District - Ho Chi Minh City |
|                 | M/F                 |                  |                  |                     | Yes/No                   | No.                |                                                                |
|                 | M/F                 |                  |                  |                     | Yes/No                   | No.                |                                                                |
| Mai Trúc Phương | M/F                 | June 9/1965      | Kỳ Thọ           | Son                 | Yes/No                   | No.                | -1d-                                                           |
| Mai Trúc Phi    | M/F                 | November 11/1966 | Quảng Công       | Son                 | Yes/No                   | No.                | -1d-                                                           |
| Mai Trúc Phong  | M/F                 | June 25/1972     | Biên Hòa         | Son                 | Yes/No                   | No.                | -1d-                                                           |
| Mai Trúc Phúc   | M/F                 | October 5/1973   | Saigon           | Son                 | Yes/No                   | No.                | -1d-                                                           |

(ONT-5)

3/81

THIS FORM IS FREE ANYONE CAN PHOTOCOPY IT.

# SECTION 4 : INFORMATION ABOUT YOUR FAMILY

**IMPORTANT :** List all your relatives, living or dead, including those you put in SECTION 3

| Name                                                | Sex<br>(Circle one) | Date of Birth<br>Mo/4/Yr | Country of Birth | Married?<br>(Circle one) | Address<br>(If deceased, write Dead)                       |
|-----------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>a. Your husband/wife (living or dead)</b>        |                     |                          |                  |                          |                                                            |
| Trần Văn Nghĩa                                      | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   | 112 Phan Văn Trị 5 <sup>th</sup> District Hồ Chí Minh City |
| <b>b. Your other husband/wives (living or dead)</b> |                     |                          |                  |                          |                                                            |
|                                                     | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   |                                                            |
|                                                     | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   |                                                            |
| <b>c. Your children (living or dead)</b>            |                     |                          |                  |                          |                                                            |
| Mai Trúc Bạch                                       | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   | 112 Phan Văn Trị 5 <sup>th</sup> District Hồ Chí Minh City |
|                                                     | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   |                                                            |
| Mai Trúc Nhi                                        | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   |                                                            |
| Mai Trúc Phong                                      | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   | -14-                                                       |
| Mai Trúc Phụng                                      | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   | -14-                                                       |
|                                                     | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   |                                                            |
|                                                     | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   |                                                            |
| <b>d. Your parents (living or dead)</b>             |                     |                          |                  |                          |                                                            |
| Nguyễn Văn Linh                                     | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   | 11/1 Hoàng Diệu Thủ Đức                                    |
| Nguyễn Thị Linh                                     | M/F                 |                          |                  | Yes/No                   | -14-                                                       |

(04P-2)

1/82

THIS FORM IS FREE ANYONE CAN PHOTOCOPY IT.

# SECTION 4 : INFORMATION ABOUT YOUR FAMILY (continue)

| Name                                             | Sex<br>(circle<br>one) | Date of<br>birth<br>Mo/4/Yr | Country of<br>birth | Married?<br>(circle<br>one) | Address<br>(If deceased, write 'Dead') |
|--------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------------------|-----------------------------|----------------------------------------|
| <b>e. Your Brothers/Sisters (living or dead)</b> |                        |                             |                     |                             |                                        |
| Nguyen Duc Trung                                 | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      | 11/2 Hoang Dieu Thi Dao                |
| Nguyen thi Kim Tuyen                             | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      | -id-                                   |
| Nguyen thi Ngoc Thuy                             | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      | -id-                                   |
| Nguyen Thien Thanh                               | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      | -id-                                   |
| Nguyen Duc Tuan                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      | -id-                                   |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      |                                        |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      |                                        |
| <b>f. Other relatives living with you :</b>      |                        |                             |                     |                             |                                        |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      | Relationship to you                    |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      |                                        |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      |                                        |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      |                                        |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      |                                        |
|                                                  | M/F                    |                             |                     | Yes/No                      |                                        |

### **SECTION 5: EMPLOYMENT WITH THE US GOVERNMENT**

**IMPORTANT :** If you worked for the US Government, complete this section. If an accompany relative worked for the US Government have him complete this section, if possible .

a. For what US Government Agency Paper (In Regional Exchange) - In what office : PL Office Long Binh -----

b. Date of separation : April Month 12 / May 1970 / year. Reason for separation : Health's Reason -----

c. Give the dates, places visited, job title or grade and names of supervisors:

| <u>No/12</u> | <u>to</u> | <u>No/12</u> | <u>Place</u> | <u>Title/Grade</u> | <u>Name of supervisor</u> | <u>Describe the work performed</u> |
|--------------|-----------|--------------|--------------|--------------------|---------------------------|------------------------------------|
|--------------|-----------|--------------|--------------|--------------------|---------------------------|------------------------------------|

March 1969 April 1970 Long Rich Stock Seller .....

[illegible]

**THE UNIVERSITY OF CHICAGO**

Employer Number : 020253 Payroll N- : 020253

d. Give the dates, names, places and description of any training provided by the United States Government :

| DATE    | TO      | FROM    | REASON  | Describe the training/schooling |
|---------|---------|---------|---------|---------------------------------|
| 10/1/78 | 10/1/78 | 10/1/78 | 10/1/78 |                                 |

.....

.....

**IMPORTANT :** If the job training was outside Vietnam complete SECTION 8

e. List any awards and commendations from the US Government: .....

.....

f. How time spent in radiation: Yes ☒ No ☒ How long: \_\_\_\_/year \_\_\_\_/month. Still in radiation: Yes ☒ No ☒

**IMPORTANT** : Please send COPIES of personal documents, ID Card, training certificates, letter of commendation, job photographs letters from supervisor, or any other documents pertaining to employment by the US Government or verifying reeducation.

**DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY.**

(ODF-2) 2/81

THIS FORM IS PUBL. ANYONE CAN PHOTOCOPY. IS.

**SECTION 7: GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE BEFORE APRIL 30, 1975**

**IMPORTANT:** If you worked for the Vietnamese government or served in the Vietnamese military complete this section. If an accompanying relative worked for the Vietnamese government or served in the Vietnamese military have him complete this section, if possible.

a. What ministry or military unit? N/A

b. Date of separation? \_\_\_\_/day \_\_\_\_/month \_\_\_\_/year Reason for separation: \_\_\_\_\_

c. Give the dates, places worked, job title or rank and name of superior:

| <u>Mo/Yr to Mo/Yr</u> | <u>Place</u>                | <u>Title/Rank</u>           | <u>Name of Superior</u>     | <u>Describe the work performed</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------------|
| <u>  /  /  </u>       | <u>N/A</u>                  | <u>                    </u> | <u>                    </u> | <u>N/A</u>                         |
| <u>  /  /  </u>       | <u>                    </u> | <u>                    </u> | <u>                    </u> | <u>                    </u>        |
| <u>  /  /  </u>       | <u>                    </u> | <u>                    </u> | <u>                    </u> | <u>                    </u>        |

d. List any awards, commendations or medals from the U.S. Government: \_\_\_\_\_

e. Was time spent in reeducation? YES ☐ NO ☐ How long? \_\_\_\_/years \_\_\_\_/months. Still in reeducation? Yes ☐ No ☐

f. Any training in the U.S.? YES ☐ (Complete SECTION 8 Also) NO ☐

g. Was work done closely with Americans? YES ☐ (Give Dates, Names of Places Worked, Location and Describe the Job Relationship to the American)

NO ☐ (Go to Section 8)

| <u>Mo/Yr to Mo/Yr</u> | <u>Name</u>                 | <u>Place</u>                | <u>Describe the Job Relationship to the American</u> |
|-----------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------|
| <u>  /  /  </u>       | <u>                    </u> | <u>                    </u> | <u>                    </u>                          |
| <u>  /  /  </u>       | <u>                    </u> | <u>                    </u> | <u>                    </u>                          |

**IMPORTANT:** Please send COPIES of personnel documents, I.D. cards, training certificates, letters of commendation, job photographs, letters from supervisors, or any other documents pertaining to employment by the Vietnamese government, service in the Vietnamese military, showing the work relationship to americans or verifying reeducation.  
**DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY!**

SECTION 8: EDUCATION OUTSIDE VIET NAM

**IMPORTANT:** If you were trained or educated outside Viet Nam complete this section. If an accompanying relative was trained or educated outside Viet Nam have him/her complete this section, if possible.

a. Explain why the training or schooling was outside Viet Nam? N/A

b. Who paid for it? \_\_\_\_\_

c. Give the dates, names, places, and description of the training or schooling:

| <u>Mo/yr to</u> | <u>Mo/yr</u> | <u>Name</u> | <u>Place</u> | <u>Describe the Training or Schooling</u> |
|-----------------|--------------|-------------|--------------|-------------------------------------------|
| <u>1</u>        | <u>1</u>     | <u>N/A</u>  |              | <u>N/A</u>                                |
| <u>1</u>        | <u>1</u>     |             |              |                                           |
| <u>1</u>        | <u>1</u>     |             |              |                                           |

d. List the degrees or training certificates received:

| <u>Date Received</u>     | <u>Name of School or Training Center</u> | <u>Type of Degree or Certificate</u> | <u>Describe the Degree or Certificate</u> |
|--------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------|
| <u>Month</u> <u>Year</u> |                                          |                                      |                                           |
| <u>1</u>                 | <u>N/A</u>                               |                                      | <u>N/A</u>                                |
| <u>1</u>                 |                                          |                                      |                                           |
| <u>1</u>                 |                                          |                                      |                                           |

e. Was time spent in reeducation? YES ☐ NO ☐ How long? \_\_\_/years \_\_\_/months. Still in reeducation? Yes ☐ No ☐

**IMPORTANT:** Please send copies of any certificate or papers pertaining to training or schooling outside Viet Nam or verifying reeducation.

**DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY!**

**SECTION 4 : OTHER JOBS WITH AMERICAN COMPANIES OR ORGANIZATIONS**

**IMPORTANT :** If you worked for a US Company or organization complete this section. If an accompanying relative worked for a US Company or organization have him complete this section, if possible.

- a. Name of company, contractor, agency, organization or foundation : 1/- Lee's Leatherwear Corporation  
2/- Chang H. Construction Co. LTD.
- b. Date of separation : 10 /day March 1975 /year. Reason for separation : The Firm was closed
- c. Give the dates, places worked, job title or grade and names of supervisors :

| Date       | Place      | Title/Grade | Name of supervisor   | Describe the work performed |                                           |
|------------|------------|-------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------------------|
| April/1970 | March/1975 | Saloon      | Admin Representative | Mr. Kin Jeng Sik            | I was representative of the 2 Firms at    |
| -----      | -----      | -----       | -----                | Mr. Maunick Chia Bai        | the same time in charge of the processing |
| -----      | -----      | -----       | -----                | -----                       | and completion of Tan's application for   |
| -----      | -----      | -----       | -----                | -----                       | stay. Visa Work Permit-Exit-Re-Entry      |
| -----      | -----      | -----       | -----                | -----                       | -----                                     |

- d. What was the employee status : \_\_\_\_\_ Badge number : \_\_\_\_\_ Payroll number : \_\_\_\_\_
- e. Was time spent in production : Yes ☒ No ☐ How long : \_\_\_\_\_/year \_\_\_\_\_/month .
- Still in production : Yes ☒ No ☐

**IMPORTANT :** Please send COPIES of personnel document. ID Card, training certificates, letters of commendation, job photographs, letters from supervisor, or any other documents pertaining to employment by a US Company or verifying production.

**DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS - SEND COPIES ONLY.**

SECTION 9 : COMMENTS AND REMARKS

Due to the difficulty of my situation and base on the authority of the organisation in which thousand of people have been saved by your humanitarian act. I wish to call on your assistance to intervene with the Government of Republic Socialist Vietnam in order that I and my family cited above could leave our country under your protection and immigrate to the United States of American base on the plan of Orderly Departure Program.

Awaiting you consideration please accept my deeply thanks .

Respectfully yours.

  
NGUYỄN THỊ TÂM H

SECTION 10 : CERTIFICATION

I affirm that all the information on this questionnaire is true and understand that any false statement could prevent me from going to the United States .

APRIL 20 1982  
Date

  
Signature of Applicant

# CHANG IL CONSTRUCTION CO., LTD.

*General Contractor*

*Head Office*

48-49, CHO DONG, CHUNG-KU  
SEOUL, KOREA  
TEL.: 54-9239 & 9240

*Saigon Office*

358/5, PHAN THANH GIAN  
P.O. BOX 2128 - SAIGON  
TEL.: 20254

OUR REF. No. \_\_\_\_\_

DATE 6 April 1970

TO WHOM IT MAY CONCERN

I, the undersigned, KIM SONG SIK, Director of CHANG IL CONSTRUCTION CO., LTD do hereby delegate Mrs. NGUYEN THI SAH, ID# 01061148 issued at the Thu Duc on 23 May 1969, our Administrator to submit, complete and receive all Official Documents pertaining authorization of Stay, and others Visas for our Foreign Workers.

We assume full responsibility for her during her employment with this firm.

This letter is valid from 6 April 1970.

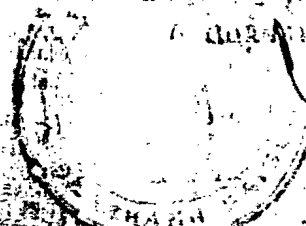


CHANG IL CONSTRUCTION CO., LTD

KIM SONG SIK  
Director

Thư này được lập ra để ủy quyền  
cho Kim Song Sik  
để thay mặt công ty đi làm việc  
ở các cơ quan và tổ chức  
liên lạc

1970  
49



VIETNAM REGIONAL EXCHANGE  
(RACEX)

Nb 028253

EARNING

Regular Salary VNs . . 3080.

OVERTIME . . . . . 868.

Family Allow . . . . .

Language Diff. . . . .

Night Diff. . . . .

Vacation . . . . .

Sick leave . . . . .

Holiday . . . . .

Others . . . . .

Total . . . . .

TAX (Deduction) . . . . . (24)

NET PAY VNs 3922.

12 AP. 1969

Period Ending :

# LEE'S LEATHERWEAR

ON.

OKINAWA OFFICE  
P. O. BOX 238  
KOZA, OKINAWA  
TEL 097-3903

280, NGUYEN HOANG, CHOLON, SAIGON  
VIETNAM

HONG KONG OFFICE  
75 KIMBERLEY RD., 1st FL. KOWLOO  
HONG KONG  
CABLE ADDRESS PRIMEIROHK  
TEL K-670626 K-672492



Date, 5 January 1970

## TO WHOM IT MAY CONCERN:

This is to certify that Mrs. NGUYEN THI TAMM, ID #010611143 issued on 26 May 1969 at Thu-Duc is our representative. She is authorized to process all the paper concerning our TCM's application for Stay visa, work permit & Exit -Re-entry.

Your kind consideration of this matter will be greatly appreciated.

Respectfully yours,

LEE'S LEATHERWEAR CORPORATION



*[Signature]*  
HSU NIEH CHIU PAI  
General Manager

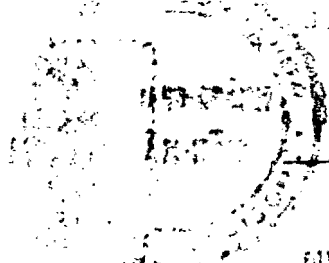
LEE'S LEATHERWEAR CORP  
PACEX 660017 LLC  
280 NGUYEN HOANG CHOLON  
VIETNAM

*[Signature]*

108/38

Chief of Consulate  
HSU NIEH CHIU PAI

05 01 70



HSU NIEH CHIU PAI

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

**ABSTRACT OF BIRTH RECORD**

**Name**                    NGUYEN THI TANH                    **Sex:** Female  
**Date of Birth:** April 5, 1944  
**Place of Birth:** Binh Thanh, Long An , VN  
**Father's name:** NGUYEN VAN LANH  
**Mother's name:** NGUYEN THI LANH  
**Date recorded:** April 6, 1944  
**Date document issued:** July 13, 1962

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:



NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

Certified by:



OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201

Trích y bản chánh bộ  
khai-sanh năm 1944./.  
Bình-Thành, ngày 13/7/62

Hộ-tịch

*Bat*

Chứng nhận

Chúng thật chủ ký tên  
trên đây của viên chức hộ  
tịch ./.

Bình-Thành, ngày 13/7/62

Đại diện xã *Bat*

Hội-viên Tài-Chánh

Hội-viên Cảnh-Sát

Chứng cho hợp pháp

Hướng chủ tên của Hộ Đổng  
bước ở CHỖ *Bình Thành*

*Trần Đại*  
thứ trưởng *7* tháng *7* năm *1962*  
QUẢN-TRƯỞNG.

Tên, họ ấu-nhi : NGUYỄN - THỊ - TÂN

Phái : GAI

Sanh : LE 5 AVRIL 1944

(Ngày, tháng, năm)

Tại : Bình - Thành

Cha : Nguyễn - văn - Lành

(Tên, họ)

Tuổi : ----

Nghề-nghiệp : Làm vườn

Cư-trú tại : Bình - Thành

Mẹ : Nguyễn - thị - Lành

(Tên, họ)

Tuổi : ----

Nghề - nghiệp : Làm vườn

Cư-trú tại : Bình - Thành

Vợ : Vợ chánh

Người khai : Nguyễn - văn - Thượng

(Tên, họ)

Tuổi : 60 ans

Nghề-nghiệp : Làm vườn

Cư-trú tại : Bình - Thành

Ngày khai : ----

Người chứng thứ nhất : Phan - văn - Hào

(Tên, họ)

Tuổi : 30 ans

Nghề-nghiệp : Làm vườn

Cư-trú tại : Bình - Thành

Người chứng thứ nhì : Nguyễn - văn - Sự

(Tên, họ)

Tuổi : 25 ans

Nghề-nghiệp : Làm vườn

Cư-trú tại : Bình - Thành

Làm tại Bình - Thành , ngày 6 tháng Avri năm 1944

Người khai,

Hộ-lại,

Nhân-chứng.

Nguyễn-văn-Thượng

(có ký tên) Phan-văn-Hào (có ký tên)

(có ký tên)

Nguyễn-văn-Sự (có ký tên)

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

## ABSTRACT OF IDENTIFICATION RECORD

Name NGUYEN THI TANH

Date of birth April 5, 1944

Place of birth Long An, Viet Nam

Father's name NGUYEN VAN LANH

Mother's name NGUYEN THI LANH

Address 26/4 Section B, Linh Dong, Gia Dinh

Particular trace Freckle on forehead

Height 1.50 m Weight 40 kgs

Signature of the person concerned (signed)

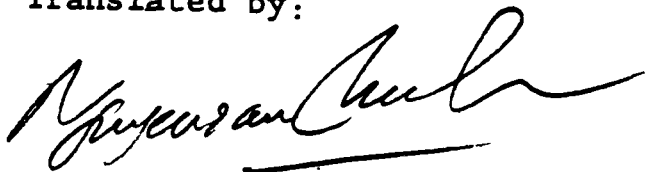
Imprints of both forefingers

Date document issued May 28, 1969

Issuing Officer PHAM DUC LONG

This office has abstracted the above information from the original  
or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:



NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

Certified by:



OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

**THẺ CĂN-CƯỚC**

Số

Họ Tên **NGUYỄN-THỊ-TÂN**

Ngày, m, năm sinh **05-01-1944**

**Đã-Thanh, Long-An**

Cha **Nguyễn-Văn-Lãnh**

Mẹ **Nguyễn-Thị-Lãnh**

Địa chỉ **26/4 Khu 3, Linh-Tông, QĐ**



Được thông:

- Tên chung & trên sơ

cán./.

Chức vụ:

**THỦ-TƯC** ngày **28-05-1969**

**TRƯỞNG-ĐOÀN CĂN-CƯỚC**

**PHẠM-ĐỨC-LONG**

Đơn vị: **50 I.**

Ngày: **19**

Nghị quyết:

Nghị định:

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

**ABSTRACT OF BIRTH RECORD**

**Name** MAI TRUC PHONG

**Sex:** Male

**Date of Birth:** June 25, 1972

**Place of Birth:** Bien Hoa, Viet Nam

**Father's name:** MAI THANH TRUOC

**Mother's name:** NGUYEN THI TANH

**Date recorded:** June 29, 1972

**Date document issued:** June 9, 1973

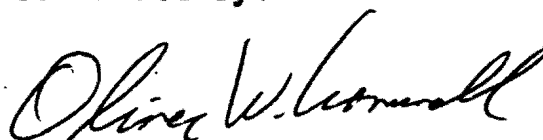
This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

**Translated by:**



NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

**Certified by:**



OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201

# KHAI SANH.

Số hiệu: 3037

|                                    |                                                                         |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Ấu nhi:<br>(Họ, tên)               | MAI - THANH - TRUONG /                                                  |
| Phái:                              | Nam /                                                                   |
| Sinh:<br>(Ngày tháng năm)          | Mai một lần tháng sáu đường-lịch,<br>Một ngàn chín trăm bảy mươi hai /. |
| Tại:                               | Huyện THANH-SONG - Diên Hòa                                             |
| Cha:<br>(Họ, tên)                  | MAI - THANH - TRUONG /                                                  |
| Tuổi:                              | Ba mươi tuổi                                                            |
| Nghề nghiệp:                       | Quân-nhân                                                               |
| Cư trú tại:                        | Sai Gòn                                                                 |
| Mẹ:<br>(Họ, tên)                   | NGUYỄN - THỊ - THỊM /                                                   |
| Tuổi:                              | Mai một lần tuổi                                                        |
| Nghề nghiệp:                       | Mại trợ                                                                 |
| Cư trú tại:                        | SÀI GÒN                                                                 |
| Vợ:                                | Chưa /                                                                  |
| Người khai:<br>(Họ, tên)           | Mai - thanh - Truông                                                    |
| Tuổi:                              | Ba mươi tuổi                                                            |
| Nghề nghiệp:                       | Quân-nhân                                                               |
| Cư trú tại:                        | SÀI GÒN                                                                 |
| Ngày khai:                         | Mai một lần tháng sáu, 1.972                                            |
| Người chứng thứ nhất:<br>(Họ, tên) | Ngô - văn - Trung                                                       |
| Tuổi:                              | Sáu mươi hai tuổi                                                       |
| Nghề nghiệp:                       | Quân - nhân                                                             |
| Cư trú tại:                        | HBC 3.479                                                               |
| Người chứng thứ nhì:<br>(Họ, tên)  | Trần - duy - Văn                                                        |
| Tuổi:                              | Mai một lần tuổi                                                        |
| Nghề nghiệp:                       | Quân-nhân                                                               |
| Cư trú tại:                        | HBC 3.479                                                               |

Làm tại Bình-Truông ngày 29 tháng sáu năm 1.972

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng

Mai-thanh-Truông

Nguyễn-văn-Chước

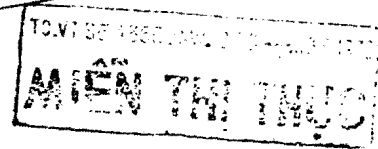
Ngô-văn-Trung

Trần-duy-Văn

TRÌNH Y THƯƠNG BỐ DANH 1972  
 BÌNH-TRUÔNG ngày 9 tháng 6 năm 1972  
 XÃ TỰ QUẢN KINH TẾ HỮU NGHỊ



Ngày 9 tháng 6 năm 1972



Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

**ABSTRACT OF BIRTH RECORD**

**Name** MAI TRUC PHUONG

**Sex:** Male

**Date of Birth:** June 9, 1965

**Place of Birth:** DINH TUONG, VIET NAM

**Father's name:** MAI THANH TRUOC

**Mother's name:** NGUYEN THI TANH

**Date recorded:** June 18, 1965

**Date document issued:** June 18, 1965

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

**Translated by:**



NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

**Certified by:**



OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201

NĂM PHẦN

TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

XÃ ĐIỀU-HÒA

Bản số 3025

Họ số quan nhan

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

# HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

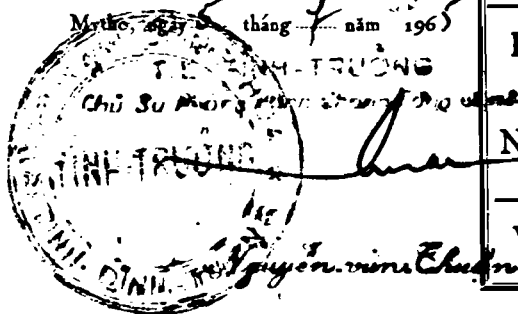
NĂM 1965 XÃ ĐIỀU-HÒA (ĐỊNH-TƯỜNG)

|                               |                                                           |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít . . . . . | Mai-trúc-Phương                                           |
| Nam hay Nữ . . . . .          | Nam                                                       |
| Sanh ngày nào . . . . .       | Ngày chín tháng sáu, năm một ngàn chín trăm sáu mươi lăm. |
| Sanh tại chỗ nào . . . . .    | Xã Điều-Hòa<br>Bão-sanh-viện Định-Tường                   |
| Tên, họ người cha . . . . .   | Mai-thanh-Trước                                           |
| Làm nghề-nghiệp gì . . . . .  | Quân-nhân                                                 |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .       | Điều-Hòa Mytho                                            |
| Tên, họ người mẹ . . . . .    | Nguyễn-thị-Tánh                                           |
| Làm nghề-nghiệp gì . . . . .  | Nội-trợ                                                   |
| Nhà cửa ở đâu . . . . .       | Điều-Hòa                                                  |
| Vợ chánh hay thứ . . . . .    | Vợ chánh                                                  |

## NHẬN THỰC CHỮ KÝ

của quý Ông Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Điều-Hòa dưới đây:

Mytho, ngày 5 tháng 6 năm 1965



VI CHỨNG:

Điều-Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 1965

T.M. ỦY-BAN-HÀNH CHÁNH XÃ

ỦY-VIÊN TÀI-CHÁNH

*(Signature)*  
Trần-bá-Đầy

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH

Điều-Hòa, ngày 18 tháng 6 năm 1965

CHỦ TỊCH kiêm ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

*(Signature)*

Trần-văn-Thạnh

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

**ABSTRACT OF BIRTH RECORD**

Name                    MAI TRUC PHUC                    Sex:    Male

Date of Birth:    October 5, 1973

Place of Birth:    Saigon, Viet Nam

Father's name:    MAI THANH TRUOC

Mother's name:    NGUYEN THI TANH

Date recorded:    October 8, 1973

Date document issued:    April 9, 1979

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:



NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

Certified by:



OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201



Washington, D.C. 20201

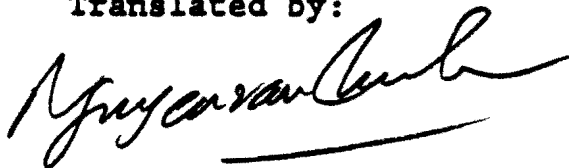
Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

**ABSTRACT OF BIRTH RECORD**

**Name** MAI TRUC PHI **Sex:** Male  
**Date of Birth:** November 24, 1966  
**Place of Birth:** Go Cong, Viet Nam  
**Father's name:** MAI THANH TRUOC  
**Mother's name:** NGUYEN THI TANH  
**Date recorded:** November 28, 1966  
**Date document issued:** November 28, 1966

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:



NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

Certified by:



OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201

NH GÒ CÔNG

QUẬN HÒA-LẠC

XÃ LONG - THUẬN

Bản số 2714

## TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1966

## HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

|                                                              |                                              |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| Tên, họ đứa con nít. . . . .<br>(Nom et prénoms de l'enfant) | Mai-trúc-Phi                                 |
| Nam hay nữ . . . . .<br>(Son sexe)                           | Nam                                          |
| Sanh ngày nào . . . . .<br>(Date de sa naissance)            | Ngày hai mươi bốn tháng mười<br>một năm 1966 |
| Sanh tại chỗ nào. . . . .<br>(Lieu de sa naissance)          | Long-Thuận Gò Công                           |
| Tên họ người cha. . . . .<br>(Nom et prénoms de son père)    | Mai-thanh-Trước                              |
| Làm nghề-nghiệp gì . . . . .<br>(Sa profession)              | Quân-nhân                                    |
| Nhà cửa ở đâu. . . . .<br>(Son domicile)                     | Long-Thuận                                   |
| Tên, họ người mẹ. . . . .<br>(Nom et prénom de sa mère)      | Nguyễn-thị-Tánh                              |
| Làm nghề-nghiệp gì . . . . .<br>(Sa profession)              | Nội-trợ                                      |
| Nhà cửa ở đâu. . . . .<br>(Son domicile)                     | Long-Thuận                                   |
| Vợ chánh hay thứ. . . . .<br>(Son rang femme mariée)         | Vợchánh                                      |

Nhận thực chữ ký bên đây

là của Chủ tịch UBHC. Xã Long - Thuận

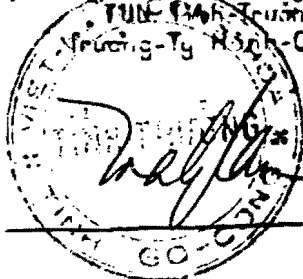
Gò Công, ngày 29 tháng 11 năm 1966

TL. TỈNH-TRƯỞNG,

Chủ-Sự Phòng Hành-Chánh Tổng-Quát,

TƯ LỆNH-TRƯỞNG

Trưởng-Ty Hành-Chánh

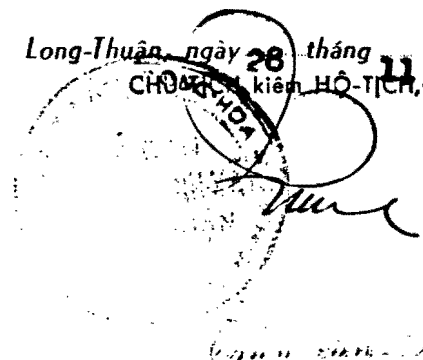


MAI-LANG-TÊN

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH :

Long-Thuận, ngày 28 tháng 11 năm 1966

CHỦ TỊCH KIỂM HỘ-TỊCH





DEPARTMENT OF HEALTH & HUMAN SERVICES

Office of the Secretary

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name MAI TRUC PHI

Sex: Male

Date of Birth: November 24, 1966

Place of Birth: Go Cong, Viet Nam

Father's name: MAI THANH TRUOC

Mother's name: NGUYEN THI TANH

Date recorded: November 28, 1966

Date document issued: November 28, 1966

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

Certified by:

OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201



Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

**ABSTRACT OF BIRTH RECORD**

Name                    MAI TRUC PHUC                    Sex:    Male

Date of Birth:    October 5, 1973

Place of Birth:    Saigon, Viet Nam

Father's name:    MAI THANH TRUOC

Mother's name:    NGUYEN THI TANH

Date recorded:    October 8, 1973

Date document issued:    April 9, 1979

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

Certified by:

NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201



DEPARTMENT OF HEALTH & HUMAN SERVICES

Office of the Secretary

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name MAI TRUC PHUONG

Sex: Male

Date of Birth: June 9, 1965

Place of Birth: DINH TUONG, VIET NAM

Father's name: MAI THANH TRUOC

Mother's name: NGUYEN THI TANH

Date recorded: June 18, 1965

Date document issued: June 18, 1965

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

Certified by:

NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201



DEPARTMENT OF HEALTH & HUMAN SERVICES

Office of the Secretary

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name NGUYEN THI TANH Sex: Female  
Date of Birth: April 5, 1944  
Place of Birth: Binh Thanh, Long An , VN  
Father's name: NGUYEN VAN LANH  
Mother's name: NGUYEN THI LANH  
Date recorded: April 6, 1944  
Date document issued: July 13, 1962

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

Certified by:

OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT  
WASHINGTON, D.C. 20201

Washington, D.C. 20201

Office of Refugee Resettlement  
Room 1219 Switzer Bldg.  
330 C Street, S.W.  
Washington, D.C. 20201  
202 245 0061

## ABSTRACT OF IDENTIFICATION RECORD

Name NGUYEN THI TANH

Date of birth April 5, 1944

Place of birth Long An, Viet Nam

Father's name NGUYEN VAN LANH

Mother's name NGUYEN THI LANH

Address 26/4 Section B, Linh Dong, Gia Dinh

Particular trace Freckle on forehead

Height 1.50 m Weight 40 kgs

Signature of the person concerned (signed)

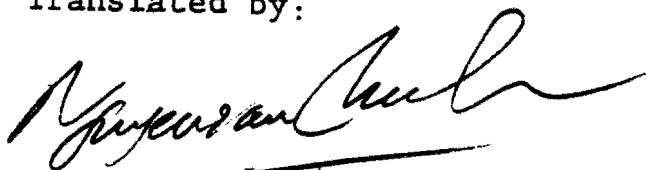
Imprints of both forefingers

Date document issued May 28, 1969

Issuing Officer PHAM DUC LONG

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:



NGUYEN, VAN BICH  
Refugee Resettlement Specialist  
August 25, 1982

Certified by:



OLIVER W. CROMWELL  
Acting Director  
Information & Referral Unit



Washington, D.C. 20201

June 1, 1982

Ms. Nonma Koropp  
Orderly Departure Program  
P.O. Box 58  
American Embassy  
APO San Francisco 96436

Dear Ms. Koropp:

Thank you very much for your prompt reply in requesting me to forward ODP questionnaire for Mr. Tran Tan Man who wishes to resettle in the United States. I have forwarded ODP form to Mr. Tran Tan Man and expect that I would hear from him soon.

Attached you will find ODP questionnaires from the following persons:

1. Mr. Le Cong Tri, a former USAID employee from 1967 to April 1975 as Computer Operator.
2. Mrs. Nguyen Thi Tanh, a former employee of PX (Post Exchange) Long Binh, Viet Nam.

I will also <sup>be</sup> very happy to serve as their contact person.

Best regards.

Sincerely,

Tran Thi Kim Dung  
Refugee Program Specialist  
Information & Referral Unit  
Office of Refugee Resettlement

Attchment



DEPARTMENT OF HEALTH & HUMAN SERVICES

Washington, D.C. 20201

April 19, 1982

Orderly Departure Program  
American Embassy  
APO San Francisco 96346

27 APR 1982

Subject: Transmit ODP Application of Mr. Tran Tan Man  
who used to associate with the U.S. Government during the war.

Dear Sir or Madam:

Due to my long time association with the South Vietnamese Government in Binh Long Province as MACCORDS Area Development Specialist, I had many Vietnamese counterparts and colleagues.

Among those, I have known Mr. Tran Tan Man who was former Deputy District Chief of Chon Thanh District, Binh Long Province. Mr. Man was released from re-education camp in 1980 and has found difficulties to be accepted and adjusted under the new regime.

Mr. Man has asked me to forward his application to request for immigration to the United States under the Orderly Departure Program, therefore, I would like to send his application to you for your kind consideration. I will be willing to serve as his contact person in the United States for any further questions.

Please help him. Best regards.

Sincerely,

Ms. Tran Thi Kim Dung  
Information and Referral Unit  
Office of Refugee Resettlement

Attachment

\* MS TRAN THI KIM DUNG,

Please forward the enclosed  
application to Mr. TRAN TAN MAN.  
AS REQUESTED we are using you as contact  
person.  
Thank you,  
Nonna Konopp

NGUYỄN-THỊ-TANH  
120 DANIELS AVE QUÂN 5  
HỒ-HỒ-CHI-MINH CITY

CLAIM CHECK  
NO.

R

5 2 4

642435

☐ MOLO

DATE

1ST NOTICE

2ND NOTICE

RETURN

Detached from  
PS Form 3849-A  
Oct. 1980

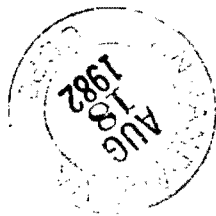


KINH GỎI

TRẦN-THỊ-KIM-DUNG  
4102 DANIELS AVE #304

ANNANDALE, VA 22003

VIA AIR MAIL PAR AVION U.S.A



VIỆT NAM CỘNG HÒA  
THẺ CÂN-CƯỚC

Số 61001176

Họ Tên NGUYỄN-THỊ-TÁNH



Ngày, nơi sinh 05-04-1944

Định-Thành, Long-An

Cha Nguyễn-Văn-Lãnh

Mẹ Nguyễn-Thị-Lãnh

Địa chỉ 26/4 Khu 1, Định-Thành, GD

Điểm vật nặng

- Tán nặng 4 trên cân  
cân. /

Chữ ký của người

*[Handwritten signature]*

THỦ-ĐỐC ngày 28-05-1962

TRƯỞNG-ĐOÀN CÂN-CƯỚC

PHẠM-THỊ-LONG

Cân 1# 50 X.

2# 40

Ngon trọng mặt

Ngon trọng trái

NGUYEN THI THANH  
DOB 04/05/44

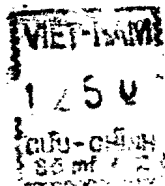
US employee

US employee  
Bỏ tiếng đề vào  
computer sau  
này 7/29/89

NGUYEN-THI-TANH  
112 A PHAM-VAN-TRU QUAN 5  
THANH PHO HO CHI MINH CITY

R

5 2 5



KINH GỎI

TRAN-THO-KIM-DUNG  
4012 DANIELS AVE #301  
ANNANDALE, VA 22003

U-S-A

CLAIM CHECK  
NO.

042438

☐ HOLD

DATE

1ST NOTICE

2ND NOTICE

RETURN

Detached from  
PS Form 3848-A  
Oct. 1980

PAR AVION

MAY BEY  
PAR AVION

